

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đinh Trọng T không kháng cáo, không bị kháng nghị, những người bị hại khác không kháng cáo, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/2014 đến ngày 08/6/2016, do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Hoàng Thị Bích Th là nhân viên Bưu điện thành phố Cẩm Ph, đặt vấn đề vay tiền của chị Trương Thị Ph1 trú tại tổ 3, khu 13, phường Mông D, thành phố Cẩm Ph và chị Trịnh Thị H, trú tại số 12, đường Quyết Th4, phường Phạm Ngũ L1, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, để mọi người tin tưởng cho vay tiền, Th nài ra dùng tiền vay để đầu tư vào kinh doanh bảo hiểm và cho người khác vay lại lấy lãi. Chị Ph1 và chị H đồng ý nhưng yêu cầu Th phải cùng chồng là Đinh Trọng T đến, cùng ký vào giấy vay tiền, để sau này có trách nhiệm cùng Th trả nợ thì các chị mới cho Th vay. Th đồng ý rồi cùng T đến gặp chị Ph1, chị H để ký vào giấy vay tiền lần đầu; sau đó các lần tiếp theo, Th bảo T ký vào các giấy vay tiền lập sẵn hoặc ký không vào giấy trắng để Th đi vay tiền của chị Ph1 và chị H cụ thể như sau:

1. Từ ngày 20/7/2014 đến ngày 30/5/2016, Th và T đã 14 lần vay tiền của chị Trương Thị Ph1 tổng số tiền 8.900.000.000 đồng. Lần đầu ngày 20/7/2014, Th cùng T đến nhà chị Ph1 vay 500.000.000 đồng rồi ký vào giấy nhận vay tiền để chị Ph1 quản lý, sau đó 13 lần tiếp theo Th vay của chị Ph1 tổng số tiền là 8.400.000.000 đồng, bằng cách Th nói với T cần vay tiền của chị Ph1 và viết giấy vay tiền đưa cho T ký nhưng chưa ghi số tiền vay hoặc đưa T ký sẵn vào tờ giấy trắng, rồi đến gặp chị Ph1 thỏa thuận số tiền cần vay và ghi vào giấy vay tiền có chữ ký của Th và T, sau đó giao lại giấy vay tiền cho chị Ph1 làm căn cứ để trả nợ. Ngoài ra, ngày 08/6/2016, Th đến nhà chị Ph1 nói cần tiền để bồi thường bảo hiểm và vay của chị Ph1 1.300.000.000 đồng nhưng không viết giấy vay tiền và không nói cho T biết. Số tiền này Th đã trả lãi cho chị Ph1, nhưng không trả được khoản tiền gốc.

2. Từ khoảng đầu năm 2015, Th nhiều lần vay tiền của chị Trịnh Thị H và trả lãi đầy đủ, các lần vay tiền đều được T đồng ý và cùng Th ký vào giấy vay tiền. Trong đó có 03 lần bà Nguyễn Thị Th3 (là mẹ Th) nhận tổng số tiền 1.072.000.000 đồng từ chị H để chuyển cho Th. Đến ngày 05/4/2016 (tức ngày 28/02/2016 âm lịch), sau khi trừ số tiền gốc Th đã trả, chị H và Th chốt lại số tiền Th còn nợ chị H là 3.800.000.000 đồng. Th viết 01 giấy vay tiền kèm giấy nhận nợ thể hiện vay chị H số tiền này rồi đưa cho T cùng ký giấy nhận nợ. Đến ngày 09/6/2016, Th đã trả cho chị H 1.300.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 2.500.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 85 ngày 21/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chữ viết (trừ các chữ trong khung màu đỏ) và chữ ký mang tên Hoàng Thị Bích Th trên 14 giấy vay tiền của chị Trương Thị Ph1 so với chữ ký, chữ viết của Th là do cùng một người viết ra.

Ngoài ra, lợi dụng việc Bưu điện thành phố Cẩm Ph được hoạt động dịch vụ nhận tiền gửi tiết kiệm của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (viết tắt là Ngân hàng Liên Việt), Th đã nói dối chị Cao Thị S, trú tại tổ 8A, phường Cẩm Th1, thành phố Cẩm Ph và chị Phạm Thị O, trú tại tổ 4, khu An S1, phường Cẩm S1, thành phố Cẩm Ph, là Th được giao nhiệm vụ huy động tiền gửi và có thể áp dụng mức lãi suất tiền gửi cao hơn lãi suất do ngân hàng niêm yết, kèm theo được nhận quà tặng khi gửi tiền, để các chị tin tưởng, thông qua Th gửi tiền tiết kiệm vào Ngân hàng Liên Việt. Từ ngày 28/5/2015 đến ngày 02/3/2016, Th đã 04 lần nhận tiền của chị S tổng số tiền 505.000.000 đồng. Và từ ngày 01/12/2015 đến ngày 02/3/2016, Th đã 03 lần nhận của chị O tổng số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Th không gửi tiền vào Ngân hàng Liên Việt, mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Để lừa dối chị O, chị S, Th làm giả 07 Giấy chứng nhận tiền gửi bằng cách sử dụng giấy bì cứng màu cam để in nội dung giấy gửi tiền phù hợp với số tiền từng lần mà Th đã nhận, tự nghĩ tên và ký giả giao dịch viên là Trần Phương H1; tự ý sử dụng con dấu nhật ấn của quầy giao dịch và con dấu Phòng giao dịch Bưu điện Cẩm Ph - Chi nhánh Quảng Ninh - Ngân hàng Liên Việt để đóng vào góc trên bên trái giấy chứng nhận, rồi đưa lại cho chị S và chị O. Đồng thời, Th còn mua một số vật dụng gia đình như: quạt, máy xay sinh tố, bộ bát đĩa..., đưa cho chị O, chị S nói là quà tặng của ngân hàng để rồi chiếm đoạt hết số tiền của chị O và chị S để chi tiêu cá nhân.

Tại các Kết luận giám định số 06 ngày 22/12/2016 và số 72 ngày 21/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: 07 “Giấy chứng nhận tiền gửi”, người gửi Phạm Thị O, Cao Thị S khác loại so với mẫu in “Sổ tiết kiệm” của Ngân hàng Liên Việt phát hành; Hình dấu tròn ‘PHÒNG GIAO DỊCH BƯU ĐIỆN CẨM PHẢ CHI NHÁNH QUẢNG NINH NH. TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT’ trên 07 Giấy chứng nhận tiền gửi so với hình dấu do Bưu điện thành phố Cẩm Ph cung cấp là do cùng một con dấu đóng ra.

Quá trình điều tra, gia đình Th đã bồi thường cho chị Trương Thị Ph1 số tiền 150.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hoàng Thị Bích Th và Đinh Trọng T khai nhận hành vi phạm tội nêu trên, toàn bộ số tiền vay của chị Ph1 và chị H, Th đều trực tiếp quản lý, sử dụng. Các lần vay tiền, T không biết cụ thể số tiền vay nhưng đều đồng ý ký vào giấy vay tiền để Th vay tiền của chị H và chị Ph1 và xác định cùng Th có trách nhiệm trả nợ. Đến cuối tháng 6/2016,

do không có tiền trả nợ, Th và T đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền vay nợ, đến ngày 18/4/2019, Th bị bắt truy nã. Ngoài ra, Th còn khai vay tiền của chị Ph1 và chị H với lãi suất 50 triệu đồng/01 tỷ đồng tiền vay/01 tháng nhưng chị Ph1 và chị H chỉ khai lãi suất là 20 triệu đồng/01 tỷ đồng tiền vay/01 tháng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Th3 khai: Bà là mẹ đẻ của Th, là người mà chị H đã 03 lần chuyển tiền cho Th vay qua số CMND của bà Th3 lần lượt là: 600 triệu đồng ngày 15/9/2015, 352 triệu đồng ngày 20/10/2015 và 120 triệu đồng ngày 02/12/2015 (*theo 03 ủy nhiệm chi*). Bà Th3 là người trực tiếp đến ngân hàng rút toàn bộ số tiền trên giao cho Th. Tài liệu, chứng cứ thu được xác định: bà Th3 không liên quan đến việc vay, mượn tiền giữa Th và chị H; không sử dụng hay được hưởng lợi từ số tiền Th vay sau đó chiếm đoạt của chị H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Bích Th phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 4 Điều 175, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; (khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”); Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Bích Th 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 13 (mười ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là 26 (hai mươi sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 587, 589, 357 Bộ luật dân sự.

*) Về trách nhiệm liên đới:

Buộc bị cáo Hoàng Thị Bích Th và bị cáo Đinh Trọng T phải liên đới trả 8.900.000.000đ (tám tỷ chín trăm triệu đồng) cho bị hại Trương Thị Ph1, trừ đi 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) đã bồi thường. Hai bị cáo Hoàng Thị Bích Th và bị cáo Đinh Trọng T còn phải tiếp tục liên đới trả 8.750.000.000đ (tám tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải trả ½ là 4.375.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Hoàng Thị Bích Th và bị cáo Đinh Trọng T phải liên đới trả 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) cho bị hại Trịnh Thị H. Trong đó mỗi bị cáo phải trả $\frac{1}{2}$ là 1.250.000.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

*) Về trách nhiệm cá nhân:

Buộc bị cáo Hoàng Thị Bích Th phải trả 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) cho bị hại Trương Thị Ph1;

Buộc bị cáo Hoàng Thị Bích Th phải trả 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cho bị hại Phạm Thị O, được trừ đi 7.400.000đ (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) trong số 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đã bồi thường tại Biên lai thu tiền số 0001311 ngày 19/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo Hoàng Thị Bích Th còn phải trả 292.600.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) cho bị hại Phạm Thị O.

Buộc bị cáo Hoàng Thị Bích Th phải trả 505.000.000đ (năm trăm linh năm triệu đồng) cho bị hại Cao Thị S, được trừ đi 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) trong số 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đã bồi thường tại Biên lai thu tiền số 0001311 ngày 19/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh và 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã bồi thường. Bị cáo Hoàng Thị Bích Th còn phải trả 482.400.000đ (bốn trăm tám mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) cho bị hại Cao Thị S.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đinh Trọng T; xử lý vật chứng, trách nhiệm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2019, người bị hại bà Cao Thị S, bà Phạm Thị O kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị Bích Th và buộc bị cáo phải trả lãi suất đối với số tiền chiếm đoạt của người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng Thị Bích Th thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Bản án sơ thẩm xử bị cáo về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quyết định mức hình phạt là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại không yêu cầu trả tiền lãi, mặt khác pháp luật không quy định bị cáo phải chịu lãi suất đối với số tiền chiếm đoạt. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hoàng Thị Bích Th về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt đối với từng tội là phù hợp, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Th.

Đối với kháng cáo của người bị hại đề nghị buộc bị cáo phải trả tiền lãi suất đối với số tiền đã chiếm đoạt của người bị hại thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại không yêu cầu bị cáo trả lãi đối với số tiền đã chiếm đoạt là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc buộc bị cáo chịu lãi suất đối với số tiền chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của những người bị hại làm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa người bị hại kháng cáo được triệu tập hợp lệ, bà Cao Thị S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Phạm Thị O vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật quyết định xét xử vắng mặt người bị hại.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Thị Bích Th tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo Đinh Trọng T, lời khai của các bị hại, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: giấy vay tiền có chữ ký của các bị cáo, chứng nhận tiền gửi; kết luận giám định; các tài liệu chứng cứ khác, có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/2014 đến ngày 08/6/2016, vợ chồng Hoàng Thị Bích Th và Đinh Trọng T đã nhiều lần vay tiền của bà Trương Thị Ph1 và bà Trịnh Thị H, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền đã vay của bà Ph1 là 8.900.000.000 đồng, của bà H là 2.500.000.000 đồng, riêng Th còn chiếm đoạt của bà Ph1 1.300.000.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 28/5/2015 đến ngày 02/3/2016, riêng Hoàng Thị Bích Th còn có hành vi đưa ra các thông tin gian dối, không đúng sự thật là Th được giao nhiệm vụ huy động tiền gửi và có thể áp dụng mức lãi suất tiền gửi cao hơn lãi suất ngân hàng niêm yết; làm 07 Giấy chứng nhận tiền gửi giả của Bưu điện thành phố Cẩm Ph; sử dụng các Giấy chứng nhận tiền gửi giả trên giao cho bà Cao Thị S và bà Phạm

Thị O để bà S, bà O tin tưởng thông qua Th gửi tiền tiết kiệm và Ngân hàng Liên Việt để chiếm đoạt của bà Cao Thị S 505.000.000 đồng, của bà Phạm Thị O 300.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hoàng Thị Bích Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của người bị hại Cao Thị S, Phạm Thị O đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị Bích Th, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng bị cáo Th thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt số tiền rất lớn của các bị hại, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau khi chiếm đoạt được số tiền của các bị hại, bị cáo dùng chi tiêu cá nhân và cố tình lẩn tránh không hoàn trả cho các bị hại, thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Hoàng Thị Bích Th có vai trò chính trong vụ án, trực tiếp giao dịch với các bà Ph1, H, trực tiếp quản lý, sử dụng số tiền chiếm đoạt được; đề xuất bỏ trốn để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Ph1 1,3 tỷ đồng và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại O và S thì một mình bị cáo Th thực hiện, không có sự tham gia của bị cáo T. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần; các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình nộp tiền, trả cho bị hại để khắc phục một phần hậu quả; bố chồng bị cáo (ông Đinh Trọng Cầm) là thương binh, được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến; bố đẻ bị cáo (ông Hoàng Văn Thắng) được tặng thưởng huy chương chiến sĩ vẻ vang; bản thân bị cáo có nhiều thành tích trong công tác như Giấy công nhận “Lao động giỏi - Lao động sáng tạo”, Giấy khen “Đạt thành tích xuất sắc trong công tác năm 2015”, Giấy khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào Thanh thiếu nhi năm 2008”, Giấy khen “Đạt danh hiệu Lao động giỏi - Lao động sáng tạo giai đoạn 2010-2014” để xử phạt bị cáo Hoàng Thị Bích Th 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 13 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Th của người bị hại bà S, bà O.

[2.3] Xét kháng cáo của người bị hại về việc buộc bị cáo Hoàng Thị Bích Th phải trả lãi suất đối với số tiền đã chiếm đoạt, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án

cấp sơ thẩm buộc bị cáo Th phải hoàn trả người bị hại bà Cao Thị S, bà Phạm Thị O số tiền đã chiếm đoạt là đúng pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại về nội dung này.

[3] Về án phí: Người bị hại bà Cao Thị S, bà Phạm Thị O kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại bà Cao Thị S, bà Phạm Thị O, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Hoàng Thị Bích Th, như sau:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Bích Th phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 4 Điều 175, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Bích Th 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 13 (mười ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 26 (hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2019.

2. Về án phí: Bà Cao Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2019/0002088 ngày 02/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Bà Phạm Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2019/0002089 ngày 02/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua trại);
- Người bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Ngô Tự Học